

Bản án số: 63/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 22 - 8 - 2023

V/v ly hôn giữa chị N và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thắm

2. Bà Phan Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tăng Thị Hồng N, sinh năm 1990; Nơi ĐKNKTT: khối A, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: số 10, ngõ B, đường P, khối 3, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0981.xxxxxx (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1981; Nơi ĐKNKTT: số 129, ngõ T, đường T, khối A, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0918.xxxxxx (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Tăng Thị Hồng N trình bày: Chị Tăng Thị Hồng N và anh Hoàng Trung T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 2013 tại UBND phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2016, hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn và đã được TAND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Sau khi ly hôn, vì con cái nên chị và anh T quyết định quay lại với nhau. Đến ngày 10/4/2018 thì chị

và anh T tiến hành đi đăng ký kết hôn lại tại UBND phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống bên gia đình anh T tại khối A, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu mới quay lại chị và anh T chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì lại bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và trầm trọng nhất từ năm đầu năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã từng được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không cải thiện được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2022, chị đã cùng các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nay chị N thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Hoàng Trung T.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị N và anh T có 03 con chung tên là Hoàng Tăng T – sinh ngày 25/11/2013, Hoàng Tăng M – sinh ngày 25/5/2018 và Hoàng Anh B – sinh ngày 28/01/2022. Từ khi sống ly thân thì chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Nay ly hôn vì các con còn quá nhỏ và chị không muốn chị em phải tách nhau ra nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi trưởng thành. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi con từ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành. Bản thân chị hiện đang lao động tự do, bán hàng quần áo, thu nhập ổn định mỗi tháng 10.000.000 đồng/tháng nên chị có đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Mặt khác chị còn có sự hỗ trợ của bố mẹ về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Trung T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày: Anh T đồng ý với lời trình bày của chị Tăng Thị Hồng N về điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng sự thật. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vợ chồng sống chung thường xuyên cãi vã nên anh T cũng tạo điều kiện cho chị N có tư tưởng thoải mái nên đã để cho chị N cùng các con về bên ngoại sinh sống được mấy tháng nay. Anh T vẫn thường đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Mặc dù trước đây anh chị đã từng ly hôn nhưng đã quay lại với nhau và có thêm 02 con chung. Nay anh T thấy tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng nên chị N làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án cho anh chị thời gian hòa giải để có cơ hội hàn gắn quay lại cùng nhau nuôi dạy con chung trưởng thành.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung như chị N trình bày. Từ khi chị N về bên ngoại sinh sống thì các con chung đều sống

cùng với chị N. Bản thân anh thường đi lại thăm nom, chăm sóc các con. Nếu chị N kiên quyết ly hôn và Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi trưởng thành. Nếu được nuôi cả 03 con chung thì anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh hiện đang lao động tự do, kinh doanh nhiều nơi, mặc dù tính chất công việc của anh thường xuyên đi xa, đi nhiều địa phương khác nhau nhưng anh cũng có sự hỗ trợ của ông bà nội về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc các con. Mỗi lần anh đi xa thì anh sẽ giao con lại cho ông bà nội chăm sóc, sẽ không ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của các con.

Về tài sản chung: Anh T và chị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tăng Thị Hồng N và anh Hoàng Trung T.

2. Về nuôi con chung: Giao cả 03 con chung Hoàng Tăng T – sinh ngày 25/11/2013, Hoàng Tăng M – sinh ngày 25/5/2018 và Hoàng Anh B – sinh ngày 28/01/2022 cho chị Tăng Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Hoàng Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N mỗi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trung T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Tăng Thị Hồng N và anh Hoàng Trung T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Tăng Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Hoàng Trung T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về Thẩm quyền: Chị Tăng Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Trung T có ĐKNKTT tại khối A, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Hoàng Trung T theo đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hoàng Trung T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị Hồng N kết hôn với anh Hoàng Trung T trên cơ sở tự nguyện. Vào năm 2013, chị N và anh T đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2016, do mâu thuẫn nên chị N và anh T đã thống nhất thuận tình ly hôn và đã được Tòa án nhân dân thành phố Vinh ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Sau đó chị N và anh T lại quay về chung sống với nhau. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2018, chị N và anh T tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị N và anh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống chị N và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Tăng Thị Hồng N là phù hợp pháp luật nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Tăng Thị Hồng N được ly hôn anh Hoàng Trung T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh T có 03 con chung là Hoàng Tăng T – sinh ngày 25/11/2013, Hoàng Tăng M – sinh ngày 25/5/2018 và Hoàng Anh B – sinh ngày 28/01/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi trưởng thành. Còn anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng nuôi con chung của chị N và anh T là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các con. Xét trên thực tế, chị N cũng như anh T đều thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì cả 03 con chung đều sinh sống ổn định, học tập cùng với chị N. Mặc dù anh T có đi lại thăm nom, chăm sóc các con nhưng anh T thừa nhận do tính chất công việc anh thường xuyên đi xa, đi nhiều địa phương khác nhau, vì vậy anh T sẽ không đảm bảo được về mặt thời gian và điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Mặt khác, tuy anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T chỉ tham gia hòa giải một lần sau đó là vắng mặt không có lý do, như vậy anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi con của mình. Xét về độ tuổi và giới tính thì cháu Hoàng Tăng T và Hoàng Tăng M là con gái; cháu Hoàng Anh B đang còn quá nhỏ tuổi, dưới 36 tháng tuổi; quá trình lấy ý kiến của cháu Hoàng Tăng T thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và các em nên cả 03 con chung cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi, sự phát triển tâm sinh lý của các con hơn và cũng phù hợp với nguyện vọng của con. Do đó cần giao cả 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N mỗi con, mỗi tháng từ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên xét mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là quá cao so với mức bình quân thu nhập của một người. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) như yêu cầu khởi điểm của chị N. Do đó cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N mỗi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Tăng Thị Hồng N và anh Hoàng Trung T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Tăng Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Trung T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tăng Thị Hồng N và anh Hoàng Trung T.

2. Về nuôi con chung: Giao cả 03 con chung Hoàng Tăng T – sinh ngày 25/11/2013, Hoàng Tăng M – sinh ngày 25/5/2018 và Hoàng Anh B – sinh ngày 28/01/2022 cho chị Tăng Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Hoàng Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N mỗi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trung T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Tăng Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001618 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Anh Hoàng Trung T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND p. H, tp Vinh, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn số 30 ngày 10/4/2023);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 10 - 8 - 2023

V/v ly hôn giữa bà Nga và ông Nghĩa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thắm

2. Bà Phan Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Nga, sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT: xóm Vụng Chùa, xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng Nghĩa, sinh năm 1975; Nơi ĐKNKTT: số 31, đường Nguyễn Xuân Linh, khối Vĩnh Thịnh, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hồ Thị Nga trình bày: Bà Hồ Thị Nga và ông Lê Hoàng Nghĩa đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2013 tại UBND xã Nam Trung (nay là xã Trung Phúc Cường), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống giữa bà Nga và ông Nghĩa phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chỉ sống chung với nhau được 05 tháng. Đến tháng 11 năm 2013 thì ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ

nhưng không thành. Nay bà Nga thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà Nga làm đơn xin ly hôn với ông Lê Hoàng Nghĩa.

Về quan hệ con chung: Bà Nga và ông Nghĩa không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nga không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Hoàng Nghĩa vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Nghĩa trình bày: Ông Lê Hoàng Nghĩa đồng ý với lời trình bày của bà Hồ Thị Nga về điều kiện, thời gian vợ chồng kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Nga đã trình bày. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên từ tháng 11 năm 2013 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà Nga làm đơn xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông Nghĩa và bà Nga không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nghĩa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Nga và ông Lê Hoàng Nghĩa.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Bà Nga, ông Nghĩa không có con chung nên miễn xét.

3. Về quan hệ tài sản: Bà Nga, ông Nghĩa không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị Nga phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Hồ Thị Nga khởi kiện xin ly hôn ông Lê Hoàng Nghĩa có ĐKNKTT tại khối Vĩnh Thịnh, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Lê Hoàng Nghĩa theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nghĩa đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Lê Hoàng Nghĩa là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Nga kết hôn với ông Lê Hoàng Nghĩa trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 5 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nga và ông Nghĩa là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà Nga và ông Nghĩa thấy rằng: Trong quá trình chung sống bà Nga và ông Nghĩa thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai bên đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2013 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa bà Nga và ông Nghĩa trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Nga là phù hợp pháp luật và ông Nghĩa cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Hồ Thị Nga được ly hôn ông Lê Hoàng Nghĩa.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà Hồ Thị Nga và ông Lê Hoàng Nghĩa thống nhất trình bày không có con chung nên miễn xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Nga và ông Lê Hoàng Nghĩa đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Bà Hồ Thị Nga phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Nga và ông Lê Hoàng Nghĩa.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Nga phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nga đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001A7 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND xã Nam Trung, h. Nam Đàn, Nghệ An
(nay là xã Trung Phúc Cường)
(Đăng ký kết hôn số 54 ngày 14/5/2013);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v ly hôn giữa bà Yến và ông Tuấn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thẩm

2. Ông Trần Đức Hào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1982; Nơi ĐKNKTT: khối 11, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: xóm 3, xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Duy Tuấn, sinh năm 1972; Nơi ĐKNKTT: khối 11, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Yến trình bày: Bà Nguyễn Thị Yến và ông Võ Duy Tuấn đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2003 tại UBND xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ ông Tuấn tại khối 11, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nhất từ năm cuối năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không

hợp, bất đồng quan điểm sống, do kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã từng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không cải thiện được. Đến tháng 04/2021 thì vợ chồng sống ly thân, bà Yến đã chuyển ra ngoài thuê trọ sinh sống tại xóm 3, xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Nay bà Yến thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà Yến làm đơn xin được ly hôn với ông Võ Duy Tuấn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà Yến, ông Tuấn có một con chung tên là Võ Duy Mạnh – sinh ngày 13/3/2013. Từ khi sống ly thân thì con chung đều sống với ông Tuấn và ông bà nội tại khối 11, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nay ly hôn, do bà hiện tại đang phải thuê trọ, thu nhập không ổn định nên bà có nguyện vọng giao con chung cho ông Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Bà Yến đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Yến không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Duy Tuấn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tuấn nhưng ông Tuấn vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể xem xét ý kiến, nguyện vọng của ông Tuấn được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Yến và ông Võ Duy Tuấn.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Võ Duy Mạnh, sinh ngày 13/3/2013 cho ông Võ Duy Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Yến có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông Tuấn mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Yến có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Bà Yến không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Yến phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Yến khởi kiện xin ly hôn ông Võ Duy Tuấn có ĐKNKTT và nơi ở hiện nay tại khối 11, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 14/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến và bị đơn ông Võ Duy Tuấn. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Võ Duy Tuấn theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Tuấn đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Võ Duy Tuấn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến kết hôn với ông Võ Duy Tuấn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 01 năm 2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Yến và ông Tuấn là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà Yến và ông Tuấn thấy rằng: Trong quá trình chung sống bà Yến và ông Tuấn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ

chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Yến và ông Tuấn đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa bà Yến và ông Tuấn trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến là phù hợp pháp luật nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị Yến được ly hôn ông Võ Duy Tuấn.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà Yến và ông Tuấn có 01 con chung tên là Võ Duy Mạnh, sinh ngày 13/3/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Yến đồng ý giao con chung cho ông Võ Duy Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Mặc dù ông Tuấn vắng mặt không xem xét được ý kiến, nguyện vọng của ông Tuấn về việc nuôi con chung nhưng xét trên thực tế, ông Tuấn hiện có nơi ở ổn định tại khối 11, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Từ khi bà Yến và ông Tuấn sống ly thân cho đến nay thì cháu Võ Duy Mạnh đều sinh sống cùng với ông Tuấn. Xét về giới tính thì cháu Võ Duy Mạnh là con trai nên cần ở với bố sẽ phù hợp về độ tuổi phát triển tâm sinh lý của các cháu hơn. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Mạnh thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố là Võ Duy Tuấn. Do đó cần giao con chung Võ Duy Mạnh cho ông Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Yến đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Do đó cần buộc bà Yến có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông Tuấn mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Yến không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yến phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Yến và ông Võ Duy Tuấn.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Võ Duy Mạnh, sinh ngày 13/3/2013 cho ông Võ Duy Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Yến có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông Tuấn mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Yến có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yến phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0010332 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bà Nguyễn Thị Yến phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND xã Hưng Phúc, h. Hưng Nguyên, Nghệ An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đăng ký kết hôn số 02 ngày 13/01/2003);

- TAND tỉnh Nghệ An;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Hoa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v ly hôn giữa chị *Huyền* và anh *Trung*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thắm

2. Ông Trần Đức Hào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền, sinh năm 2002; Nơi ĐKNKTT: xóm Thượng Khê (trước đây là xóm Lam Đồng), xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Phòng 1506, tầng 15, Chung cư CT2A – 1, đường Đinh Công Tráng, khối 2, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0944069697. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Bảo Trung, sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT: ngõ 107 đường Ngư Hải, khối Trung Hòa 1, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0886268137. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị Huyền trình bày: Chị Phạm Thị Huyền và anh Nguyễn Bảo Trung đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày vào ngày 26/4/2021 tại UBND xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống bên gia đình anh Trung tại ngõ 107 đường Ngư Hải, khối Trung Hòa 1, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời ngắn nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nhất từ năm đầu năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, anh Trung đã nhiều lần đánh đập chị và việc anh Trung đánh đập chị đã từng được chính quyền địa phương can thiệp. Đến tháng 10/2022 thì vợ chồng sống ly thân, chị Huyền đã về gia đình bên ngoại sinh sống cho đến nay. Nay chị Huyền thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị Huyền làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Bảo Trung.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Huyền, anh Trung có một con chung tên là Nguyễn Đăng Bảo Khang – sinh ngày 17/4/2020. Do con chung còn quá nhỏ, từ khi vợ chồng ly thân con chung đã sống ổn định với chị, anh Trung không có trách nhiệm gì với con, chỉ đóng góp đúng 01 lần tiền học cho con, còn sau đó thì không hỗ trợ bất kỳ vật chất, kinh tế gì để nuôi con nên ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Chị hiện đang lao động tự do, bán hàng, thu nhập ổn định hàng tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung. Chị yêu cầu anh Trung phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị Huyền không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Bảo Trung trình bày: Anh Nguyễn Bảo Trung đồng ý với lời trình bày của chị Phạm Thị Huyền về điều kiện, thời gian vợ chồng kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Quá trình chung sống do những mâu thuẫn trên nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 10/2022, vợ chồng

đã sống ly thân cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị Huyền làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đăng Bảo Khang – sinh ngày 17/4/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung đều ở với chị Huyền cho đến nay. Anh thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh chỉ đóng góp một lần tiền học cho con. Sau đó vì tính chất công việc nên anh không có điều kiện thời gian để hỗ trợ nuôi con cùng chị Huyền. Trong quá trình hòa giải, anh Trung có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh Trung đồng ý giao con chung cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trung đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Huyền mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Trung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền và anh Nguyễn Bảo Trung.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng Bảo Khang – sinh ngày 17/4/2020 cho chị Phạm Thị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Bảo Trung có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Huyền mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bảo Trung có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị Huyền, anh Trung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Huyền, anh Nguyễn Bảo Trung phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Huyền khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Bảo Trung có ĐKNKTT tại khối Trung Hòa 1, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền kết hôn với anh Nguyễn Bảo Trung trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Huyền và anh Trung là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị Huyền và anh Trung thấy rằng: Trong quá trình chung sống chị Huyền và anh Trung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Huyền và anh Trung đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị Huyền và anh Trung trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Huyền là phù hợp pháp luật và anh Nguyễn Bảo Trung cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Huyền được ly hôn anh Nguyễn Bảo Trung.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị Huyền và anh Trung đều thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Bảo Khang – sinh ngày 17/4/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Huyền

đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Xét trên thực tế từ khi chị Huyền, anh Trung sống ly thân cho đến nay thì con chung đều sống ổn định cùng với chị Huyền. Xét về độ tuổi thì cháu Nguyễn Đăng Bảo Khang đang còn quá nhỏ tuổi nên cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi, sự phát triển tâm sinh lý của cháu hơn. Tại phiên tòa, anh Trung cũng đồng ý giao con chung cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao con chung Nguyễn Đăng Bảo Khang cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huyền yêu cầu anh Trung phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Huyền mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tại phiên tòa, anh Trung cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Huyền mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Do đó cần buộc anh Trung có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Huyền mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Huyền và anh Nguyễn Bảo Trung đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Bảo Trung phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền và anh Nguyễn Bảo Trung.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng Bảo Khang – sinh ngày 17/4/2020 cho chị Phạm Thị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Bảo Trung có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Huyền mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bảo Trung có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0010492 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Anh Nguyễn Bảo Trung phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND xã Hưng Tây, h.Hưng Nguyên, Nghệ An
(Đã đăng ký kết hôn số 29/2021 ngày 26/4/2021);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 15 - 3 - 2023

V/v ly hôn giữa ông Cương và bà Nhạ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Kim Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Viết Cương, sinh năm 1961; Nơi ĐKNKTT: khối Phúc Lộc, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Nhạ, sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT: khối 7, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Hồ Viết Cương trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Nhạ đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến

hành đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2011 tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bà Trần Thị Nhạ ở khối 7, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An từ năm 2012 cho đến năm 2013. Sau đó do mâu thuẫn nên vợ chồng ông chuyển ra ở trọ tại khối 15, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho đến cuối năm 2015 thì vợ chồng ông chuyển về sinh sống tại nhà ông ở khối Phúc Lộc, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Bà Nhạ thường xuyên bỏ về nhà riêng ở. Vào năm 2016, bà Nhạ đã từng làm đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó vì nghĩ đến con nên hai bên cố gắng hàn gắn. Sau khi về chung sống với nhau mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra ngày càng căng thẳng. Đến tháng 6 năm 2021, bà Nhạ lại bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không có trách nhiệm với nhau. Nay ông thấy tình cảm không còn, không thể sống chung được nữa nên ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhạ.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Nhạ có 01 con chung tên là Hồ Thị Anh Minh, sinh ngày 26/6/2013. Từ khi sống ly thân, thì con chung sống cùng với bà Nhạ. Nay ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Nhạ trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Ông không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung như yêu cầu của bà Nhạ. Hiện tại ông lao động tự do, nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp, mặc dù ông còn được hưởng thêm chế độ lương hưu nhưng vẫn không đủ chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày nên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà Nhạ mỗi tháng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng xây dựng được 01 ngôi nhà hai tầng với diện tích sử dụng là 258m² tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ 24 tại khối Phúc Vinh (Nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngôi nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc số tiền xây nhà chủ yếu do ông bán thửa đất là tài sản riêng của ông có trước thời kỳ hôn nhân ở tỉnh Đắc Nông, bà Nhạ chỉ đóng góp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để xây nhà. Nay bà Nhạ yêu cầu ông Cương phải hoàn trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà bà đóng góp đưa cho ông khi xây nhà thì ông không đồng ý.

Vào năm 2017, bà Nhạ từng làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn, trong quá trình Tòa án giải quyết thì Tòa án có thành lập Hội đồng định giá tài sản để định giá ngôi nhà trên. Theo biên bản định giá ngày 16/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thì ngôi nhà hai tầng trên có tổng trị giá là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng). Tại thời điểm đó ngôi nhà mới được xây thô, da trát xi măng, lát gạch nền nhà mà chưa quét vôi hay sơn tường gì. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân

thì ông Cương có ốp thêm gạch tường nhà phòng khách. Số tiền ốp tường gạch này do ông Cương bỏ ra, bà Nhạ không đóng góp gì. Nay ly hôn, ông yêu cầu Tòa án chia tài sản là ngôi nhà hai tầng trên theo trị giá tài sản đã được định giá trước đó là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) mà không tiến hành định giá lại.

Vào ngày 14/6/2017, tại Văn phòng thừa phát lại thành phố Vinh, giữa ông và bà Nhạ có lập Vi bằng số 19/2017/VB-TPLTPV thỏa thuận về nội dung chia tài sản đối với ngôi nhà hai tầng đã nêu ở trên. Theo nội dung thỏa thuận, trong trường hợp ông làm đơn giải quyết ly hôn thì ông phải trích chia 1/3 giá trị tài sản cho bà Nhạ. Nay ly hôn, ông có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà hai tầng, tương đương 2/3 trị giá tài sản là 251.034.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông đồng ý trích chia 1/3 trị giá tài sản ngôi nhà hai tầng, tương đương số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) cho bà Nhạ.

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ 24, diện tích 129,4m² tại khối Phúc Vinh (Nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có nguồn gốc là do bố mẹ ông để lại. Đến năm 2015, vợ chồng anh trai ông là ông Hồ Viết Hùng và bà Phạm Thị Nhân đã đồng ý tách thửa phần diện tích đất 129,4m² cho ông Cương. Đất đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX417946 ngày 10/9/2015 mang tên ông Hồ Viết Cương. Đây là tài sản riêng của ông Cương. Bà Nhạ đã làm văn bản thừa nhận tài sản riêng của ông Cương nên bà Nhạ không có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị Nhạ trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Cương về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng sự thật. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2016, vợ chồng bà đã sống ly thân. Đến năm 2017, bà có làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó vì con cái nên bà đồng ý quay về chung sống với ông Cương. Sau khi quay về chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn, cho đến năm 2021 vợ chồng bà lại tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Từ khi bà và ông Cương sống ly thân, bà và con gái đã chuyển về sinh sống tại nhà riêng của bà ở khối 7, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể sống chung với nhau được nữa nên ông Cương làm đơn xin ly hôn bà thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà và ông Cương có 01 con chung là Hồ Thị Anh Minh, sinh ngày 26/6/2013. Mỗi lần vợ chồng sống ly thân

thì con chung đều ở với bà. Nay ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Từ khi sống ly thân, ông Cương không có trách nhiệm gì với con chung. Hiện tại, bà là lao động tự do buôn bán hoa quả tại chợ Cửa Bắc, thu nhập không ổn định nên bà yêu cầu ông Cương phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vào năm 2015, bà và ông Cương có xây dựng được một ngôi nhà hai tầng tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối Phúc Vinh (nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Quá trình xây dựng bà đã đóng góp số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đưa cho ông Cương xây nhà. Tại thời điểm đó ngôi nhà mới được xây thô, da trát xi măng, lát gạch nền nhà mà chưa quét vôi hay sơn tường gì. Nay bà đồng ý thống nhất trị giá ngôi nhà là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) như ông Cương trình bày để làm căn cứ chia tài sản mà không yêu cầu Tòa án định giá. Trong quá trình vợ chồng sống ly thân, ông Cương có ốp tường gạch phòng khách. Số tiền ốp tường gạch này do ông Cương bỏ ra bà không đóng góp gì.

Nay ly hôn bà đồng ý thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận tại Vi bằng số 19/2017/VB-TPLTPV ngày 14/6/2017. Bà đồng ý giao ngôi nhà trên cho ông Cương sở hữu, sử dụng, định đoạt. Bà có nguyện vọng được hưởng 1/3 trị giá tài sản chung của ngôi nhà tương đương 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng). Bà yêu cầu ông Cương phải trích chia trị giá tài sản số tiền trên cho bà.

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ 24, diện tích 129,4m² tại khối Phúc Vinh (Nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đất đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX417946 ngày 10/9/2015 mang tên ông Hồ Viết Cương. Bà Nhạ đã làm văn bản thừa nhận tài sản riêng của ông Cương. Đây là tài sản riêng của ông Cương nên bà không tranh chấp gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông Cương phải hoàn trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà bà đóng góp đưa cho ông Cương khi xây nhà. Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút yêu cầu này mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng vào Điều 33, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Về quan hệ Hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Hồ Viết Cương và bà Nguyễn Thị Nhạ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Hồ Thị Anh Minh, sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Nhạ trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Ông Hồ Viết Cương có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Cương có quyền thăm nom con chung. Bà Nhạ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Cương trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Giao cho ông Hồ Viết Cương được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà 02 tầng tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối Phúc Vinh (nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) .

Ông Hồ Viết Cương có nghĩa vụ trích chia 1/3 trị giá tài sản ngôi nhà cho bà Nguyễn Thị Nhạ với số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Nhạ được quyền nhận số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) do ông Cương trích chia.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhạ về việc buộc ông Hồ Viết Cương phải trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bà đã đóng góp đưa cho ông Cương xây nhà.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung cho ông Hồ Viết Cương. Buộc bà Nhạ phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Hồ Viết Cương khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Nhạ có ĐKNKTT và nơi ở tại khối 7, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh

Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Viết Cường kết hôn với bà Nguyễn Thị Nhạ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 5 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Cường và bà Nhạ là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa ông Cường và bà Nhạ thấy rằng: Trong quá trình chung sống ông Cường, bà Nhạ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông Cường và bà Nhạ đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa ông Cường, bà Nhạ trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Viết Cường là phù hợp pháp luật và bà Nguyễn Thị Nhạ cũng đồng ý ly hôn nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Hồ Viết Cường được ly hôn bà Nguyễn Thị Nhạ.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông Cường, bà Nhạ có 01 con chung tên là Hồ Thị Anh Minh, sinh ngày 26/6/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nhạ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và ông Cường cũng đồng ý giao con chung cho bà Nhạ trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Xét về độ tuổi và giới tính thì cháu Hồ Thị Minh Anh là con gái, đang còn nhỏ tuổi nên cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi phát triển tâm sinh lý của cháu hơn. Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên và giao con chung Hồ Thị Minh Anh cho bà Nhạ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nhạ yêu cầu ông Cường phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà Nhạ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Ông Cường chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Xét hiện nay, theo nền kinh tế thị trường thì với mức 300.000 đồng/tháng sẽ không đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mặc dù ông Cường có thu nhập không ổn định nhưng ngoài mức thu nhập có được từ lao động tự do thì ông Cường còn được hưởng lương hưu trí hàng tháng. Do đó cần căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của

người được cấp dưỡng nên cần buộc ông Cương có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 03/2023.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Cương, bà Nhạ đều thống nhất quá trình chung sống ông, bà có xây dựng được một ngôi nhà hai tầng với diện tích sử dụng 258m² tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối Phúc Vinh (nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ông Cương, bà Nhạ đều đồng ý thống nhất trị giá ngôi nhà hai tầng là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) mà không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản. Ông, bà thống nhất chia tài sản chung theo Vi bằng số 19/2017/VB - TPLTPV ngày 14/6/2017 được lập tại Văn phòng Thừa phát lại thành phố Vinh. Ông Cương, bà Nhạ thống nhất thỏa thuận giao cho ông Cương được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà hai tầng tương đương 2/3 trị giá tài sản với số tiền 251.034.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Bà Nhạ được hưởng 1/3 trị giá tài sản tương đương với số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) do ông Cương trích chia cho bà Nhạ. Căn cứ vào Vi bằng các bên đã lập, xét sự thỏa thuận trên là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4]. Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24, diện tích 129,4m² tại khối Phúc Vinh (nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX417946 ngày 10/9/2015 mang tên ông Hồ Viết Cương. Đây là tài sản riêng của ông Cương. Ông Cương, bà Nhạ đều không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nhạ yêu cầu ông Cương phải trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bà đã đóng góp đưa cho ông Cương xây nhà. Tại phiên tòa hôm nay bà Nhạ xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Nhạ. Bà Nhạ không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.6]. Về án phí: Ông Hồ Viết Cương phải chịu án phí LHST, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, xét ông Hồ Viết Cương, sinh năm 1961, trên 60 tuổi (là người cao tuổi), thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí nên miễn án phí cho ông Hồ Viết Cương.

Bà Nguyễn Thị Nhạ phải chịu án phí về chia tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản bà Nhạ được chia.

[2.7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ Hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Hồ Viết Cương và bà Nguyễn Thị Nhạ.

[2]. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Hồ Thị Anh Minh, sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Nhạ trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Ông Hồ Viết Cương có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Cương có quyền thăm nom con chung. Bà Nhạ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Cương trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung: Giao cho ông Hồ Viết Cương được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà hai tầng tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối Phúc Vinh (nay là khối Phúc Lộc), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) .

Ông Hồ Viết Cương có nghĩa vụ trích chia 1/3 trị giá tài sản ngôi nhà cho bà Nguyễn Thị Nhạ với số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Nhạ được quyền nhận số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) do ông Cương trích chia.

[4]. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhạ về việc buộc ông Hồ Viết Cương phải trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bà đã đóng góp đưa cho ông Cương xây nhà.

[5]. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung cho ông Hồ Viết Cương.

Buộc bà Nguyễn Thị Nhạ phải chịu 6.275.850 đồng (Sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng) án phí về chia tài sản chung của vợ chồng.

[6]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7]. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND p. Lê Lợi, tp Vinh, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn số 63 ngày 18/5/2011);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 17 - 02 - 2023

V/v ly hôn giữa chị Tú và anh Thắng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thắm

2. Ông Trần Đức Hào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kiều Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Tú, sinh năm 1981; Nơi ĐKNKTT: số 4, ngõ 28, đường Hồng Bàng, khối Tân Quang, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0848373888. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Toàn Thắng, sinh năm 1975; Nơi ĐKNKTT: số 4, ngõ 28, đường Hồng Bàng, khối Tân Quang, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0853733783. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Tú trình bày: Bà Trần Thị Tú và ông Phạm Toàn Thắng đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2000 tại UBND thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống giữa bà Tú và ông Thắng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến đầu năm 2022 thì ngày càng trầm trọng kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng không thành. Mặc dù hai vợ chồng vẫn sống chung trong một mái nhà nhưng không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà Tú thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà Tú làm đơn xin ly hôn với ông Phạm Toàn Thắng.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà Tú và ông Thắng có 02 con chung tên là Phạm Tú Anh, sinh ngày 06/5/2001 và Phạm An Nhiên, sinh ngày 11/12/2018. Nay ly hôn bà Tú có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm An Nhiên cho đến khi trưởng thành. Bà Tú không yêu cầu ông Thắng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà.

Đối với con chung Phạm Tú Anh đã đủ tuổi trưởng thành ở với ai tùy thuộc vào quyết định của con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Toàn Thắng vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thắng nhưng ông Thắng đều vắng mặt. Tuy nhiên ông Thắng có gửi bản trình bày có lời chứng của UBND phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An chứng thực: Ông đã nhận được thông báo của Tòa án về việc bà Tú có đơn xin

ly hôn và ông xác nhận cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tú và xin chịu mọi trách nhiệm về xác nhận trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Tú và ông Phạm Toàn Thắng.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm An Nhiên, sinh ngày 11/12/2018 cho bà Trần Thị Tú trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Thắng do bà Tú không yêu cầu.

Đối với con chung Phạm Tú Anh, sinh ngày 06/5/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét.

Ông Thắng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Bà Trần Thị Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Tú phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Tú khởi kiện xin ly hôn ông Phạm Toàn Thắng có ĐKNKTT tại khối Tân Quang, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh

Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Phạm Toàn Thắng theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Thắng đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Phạm Toàn Thắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tú kết hôn với ông Phạm Toàn Thắng trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào ngày 27 tháng 3 năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Tú và ông Thắng là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà Tú và ông Thắng thấy rằng: Trong quá trình chung sống bà Tú và ông Thắng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai bên không có trách nhiệm gì với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa bà Tú và ông Thắng trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tú là phù hợp pháp luật và ông Thắng cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị Tú được ly hôn ông Phạm Toàn Thắng.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà Tú và ông Thắng có 02 con chung tên là Phạm Tú Anh, sinh ngày 06/5/2001 và Phạm An Nhiên, sinh ngày 11/12/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Tú có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm An Nhiên cho đến khi trưởng thành. Ông Thắng vắng mặt không xem xét được ý kiến, nguyện vọng của ông Thắng về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Xét về độ tuổi và giới tính thì cháu Phạm An Nhiên là con gái, đang còn nhỏ tuổi nên cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi phát triển tâm sinh lý của cháu hơn. Do đó cần giao con chung Phạm An Nhiên cho

bà Tú trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do bà Tú không yêu cầu ông Thắng đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Thắng.

Đối với cháu Phạm Tú Anh, sinh ngày 06/5/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Bà Trần Thị Tú phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Tú và ông Phạm Toàn Thắng.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm An Nhiên, sinh ngày 11/12/2018 cho bà Trần Thị Tú trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Thắng do bà Tú không yêu cầu.

Ông Phạm Toàn Thắng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Tú phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010435 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn số 16 ngày 27/3/2000);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa